

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 07 - 9 - 2023  
V/v: "L hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi L hôn".

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Khải

Bà Lò Thị Cải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lò Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2023/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2023 về "L hôn, tranh chấp về nuôi con khi L hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Sênh Thị L**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Vàng A S**, sinh năm 1995. Nơi ĐKTT: Bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Hiện đang chấp hành án tại: Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng, địa chỉ: Phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:**

Về hôn nhân: Bà Sênh Thị L và ông Vàng A S sống với nhau từ cuối năm 2011 nhưng đến ngày 10/5/2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Nhà, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống bình thường. Ngày 14/10/2019, ông Vàng A S bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 29/5/2020 Vàng A S bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt Tù hình (theo bản án hình sự sơ thẩm số 21/2020/HSST). Nay thấy tình cảm vợ

chồng không còn, bà L không thể tiếp tục giữ mối quan hệ hôn nhân với ông S, nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho được L hôn với ông S.

Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung là Vàng Thị L, sinh ngày 10/6/2012, Vàng A P, sinh ngày 01/8/2014, và Vàng Ngọc C, sinh ngày 31/12/2017. Bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba người con chung. Vì, ông S đang chờ thi hành bản án với mức hình phạt là tử hình nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Bà L làm nông nghiệp và đi làm thuê có thu nhập đủ nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà L không yêu cầu tòa án giải quyết.

## **2. Tại bản tự khai đề ngày 06/7/2023 bị đơn ông Vàng A S trình bày:**

Về hôn nhân: Ông S và bà L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Nhà, huyện Đ. Năm 2019 ông S bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng tuyên phạt tử hình nên ông S đồng ý L hôn với bà Sênh Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là Vàng Thị L, sinh ngày 10/6/2012, Vàng A P, sinh ngày 01/8/2014, và Vàng Ngọc C, sinh ngày 31/12/2017. Hiện ông S đang chấp hành án tại trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng nên không có điều kiện để nuôi con.

Về tài sản: Ông S không có yêu cầu tòa án giải quyết.

Nguyện vọng của cháu Vàng Thị L và cháu Vàng A P: Nếu bố, mẹ L hôn cháu L, cháu P có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn ông Vàng A S trước khi bị bắt có nơi đăng ký thường trú tại xã Mường Nhà, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Đây là quan hệ tranh chấp về: “L hôn, tranh chấp về nuôi con khi L hôn” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại [khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự](#).

[2] Về thủ tục tố tụng:

Do trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về sự vắng mặt của bị đơn ông Vàng A S: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

### [3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Sênh Thị L và ông Vàng A S có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Nhà, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2016, ngày 10/5/2016) nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống bình thường, ngày 14/10/2019, ông Vàng A S bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 29/5/2020 Vàng A S bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt TỬ HÌNH (theo bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2020/HSST) và đang chấp hành án tại trại tạm giam công an tỉnh Cao Bằng. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau Ca sê, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.” Như vậy, ông S vi phạm pháp luật và bị Tòa án tuyên hình phạt là tử hình nên không thực hiện được nghĩa vụ của người chồng đó là thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ vợ; cùng vợ Ca sê, thực hiện các công việc trong gia đình và đặc biệt là không thực hiện được nghĩa vụ sống chung với bà L. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa bà L và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, cho bà Sênh Thị L được L hôn với ông Vàng A S.

[3.2] Về con chung: Bà L và ông S có ba người con chung là Vàng Thị L, sinh ngày 10/6/2012, Vàng A P, sinh ngày 01/8/2014, và Vàng Ngọc C, sinh ngày 31/12/2017. Mặc dù cháu L và cháu P đều được sinh ra trước khi bà L và ông S đăng ký kết hôn nhưng căn cứ vào lời khai của bà L, ông S và Giấy khai sinh thì hai người con đều là con của bà L và ông S.

Xét điều kiện nuôi con của bà L: Bà L làm nông nghiệp và đi làm thuê, có thu nhập đủ để nuôi con, có chỗ ở ổn định và trong quá trình chăm sóc, nuôi con bà L không vi phạm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, quyền lợi của con chung được bảo đảm.

Xét điều kiện nuôi con của ông S: Ông S đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Cao Bằng, không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng, ông S bị Tòa án xử phạt tử hình về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy và đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà L là mẹ, không bị hạn chế quyền của cha mẹ đối với con, nguyện vọng của cháu L và cháu P là được ở với mẹ, Do vậy cần giao Vàng Thị L, sinh ngày 10/6/2012, Vàng A P, sinh ngày 01/8/2014, và Vàng Ngọc C, sinh ngày 31/12/2017 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo quyền lợi cho các con.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn bà L và bị đơn ông S không yêu cầu toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản: Nguyên đơn bà L và bị đơn ông S không yêu cầu toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà L là cá nhân thuộc hộ nghèo và là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở bản có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà L.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273, của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sênh Thị L.

1. Về hôn nhân: Bà Sênh Thị L được L hôn với ông Vàng A S.

2. Về con chung: Giao các cháu Vàng Thị L, sinh ngày 10/6/2012, Vàng A P, sinh ngày 01/8/2014, và Vàng Ngọc C, sinh ngày 31/12/2017 cho bà Sênh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi L hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi L hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi L hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi L hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Sênh Thị L.

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/9/2023).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- C cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Mường Nhà, huyện Đ;
- Lưu: KT, VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bằng**